

Số: 133 /2025/QĐ-CTUBND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14; Luật số 07/2022/QH15; Luật số 24/2023/QH15; Luật số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15; Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2985/TTr-STC ngày 24 tháng 9 năm 2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định về thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về thẩm quyền quyết định các nội dung sau:

Thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình, gồm: giao tài sản; khai thác; thu hồi; điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; phê duyệt Đề án đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án; khoán kinh phí sử dụng tài sản công.

2. Các nội dung khác không được quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định hiện hành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:
 - a) Cơ quan chuyên môn;
 - b) Tổ chức hành chính khác;
 - c) Đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật (trừ quy định tại khoản 1, 2, 3 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản là: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.
2. Phân cấp cho Sở Tài chính quyết định giao tài sản công (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*) trong các trường hợp:

- a) Giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.
- b) Giao cho các xã, phường.

3. Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định giao tài sản công cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công (trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 14; điểm a, b, c khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định việc khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.
2. Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2

Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Phân cấp cho Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*) trong các trường hợp:

a) Điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

b) Điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này và các xã, phường.

c) Điều chuyển tài sản công giữa các xã, phường.

3. Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định (trừ trường hợp tài sản có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm c khoản 2 Điều 58 và quy định tại điểm d khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản công là xe ô tô.

2. Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định bán tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định (trừ trường hợp tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 và quy định tại điểm d khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công là xe ô tô.

2. Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản công là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô.

2. Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc phạm vi quản lý và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*).

Điều 11. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô.

2. Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (*trừ quy định tại khoản 1 Điều này*).

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Phân cấp cho Sở Tài chính điều chuyển tài sản (*trừ quy định tại khoản*

1 Điều này) trong các trường hợp:

- a) Điều chuyển tài sản đối với dự án thuộc cấp tỉnh quản lý;
- b) Điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án giữa cấp tỉnh và xã, phường; giữa các xã, phường.

3. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) đối với dự án thuộc xã, phường quản lý; điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc xã, phường quản lý (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ

Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này, Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ đối với từng đối tượng nhận khoán đến công tác thuộc phạm vi quản lý.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này, Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh thuộc phạm vi quản lý.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng các tài sản khác (trừ nhà ở công vụ, xe ô tô, máy móc, thiết bị phục vụ công tác chức danh)

Phân cấp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này; Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định khoán kinh phí sử dụng các tài sản khác cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với tài sản công đang thực hiện thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định mà tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì hành chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định và có thay đổi về cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản công báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Quyết định này xem xét, quyết định.

Điều 18. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Phước*

Nơi nhận:

- Như Điều 18;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTraVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TTCB, VP12, VP5.

ĐTT_VP5_QPPL₀₄

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Song Tùng
Trần Song Tùng